

## MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhận bài:

10 – 10 – 2018

Chấp nhận đăng:

20 – 12 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Huỳnh Văn Sơn

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện kĩ năng mềm của sinh viên (SV) và nêu ra những nguyên nhân gây hạn chế việc rèn luyện kĩ năng mềm của SV tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Qua việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng cũng như nguyên nhân, chúng tôi có thể khẳng định việc phát triển công tác rèn luyện kĩ năng mềm là yêu cầu cấp bách trang bị cho SV năng lực để đương đầu với những chuyển biến mới của thời đại.

**Từ khóa:** yếu tố ảnh hưởng; nguyên nhân gây hạn chế; kĩ năng mềm; sinh viên.

### 1. Đặt vấn đề

Thế kỉ XXI là thế kỉ với nhiều sự thay đổi diễn ra hàng ngày trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, sự phát triển của khoa học đã đáp ứng ngày càng cao những nhu cầu về vật chất, tinh thần và mang lại cho con người một cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, xã hội phát triển cũng đặt con người trước hàng loạt những thách thức trong công việc và cuộc sống. Vì vậy, trong thời kì hiện đại, kĩ năng mềm (KNM) trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Đó cũng chính là lí do rất nhiều nhà khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau đã tập trung nghiên cứu về KNM trên cả phương diện lí luận và ứng dụng vào thực tiễn. Để tồn tại, phát triển, quản lí, làm chủ công việc và cuộc sống, chúng ta không thể thiếu những KNM. Để thành công trong công việc, người lao động không chỉ cần sở hữu những kĩ năng nghề nghiệp mà còn cần có sự thích ứng, sáng tạo, chủ động, tinh tế, biết tương tác với người khác trong công việc (Huỳnh Văn Sơn, 2016). Những đòi hỏi ấy chính là những đòi hỏi về KNM của người lao động, nhất là trong thời kì của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Trên thị trường lao động hiện tại, nguồn nhân lực

cao cấp và công nhân tay nghề cao vẫn đang là mối quan tâm của nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, nguồn cung ứng lao động có chất lượng còn hạn chế. Ngoài ra, kĩ năng làm việc nhóm, khả năng hợp tác... để hoàn thành công việc của người lao động Việt Nam còn hạn chế (Huỳnh Văn Sơn, 2015). Không ít SV ra trường không thể bắt tay ngay vào công việc, phải qua một thời gian đào tạo lại. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp không thể thành công dù họ đã tập hợp được đội ngũ có bằng cấp. Đây là minh chứng cho thấy cần xem xét, đánh giá việc rèn luyện KNM cho SV hiện nay. Vì vậy, việc tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện KNM của SV các trường ĐH tại TP. Hồ Chí Minh là một việc làm cấp thiết để nâng cao chất lượng giảng dạy, rèn luyện KNM, cũng như góp phần hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### 2. Giải quyết vấn đề

#### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo, phương pháp đánh giá qua tình huống, phỏng vấn sâu là phương pháp bổ trợ để đánh giá thực trạng rèn luyện KNM.

Bảng hỏi được thiết kế cho các nhóm khách thể sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lí. Giai đoạn 1 là thiết kế bảng hỏi mở gồm các câu hỏi về những vấn đề

\* Tác giả liên hệ

Huỳnh Văn Sơn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Email: sonhv@hcmue.edu.vn

liên quan đến thực trạng kỹ năng mềm và biện pháp phát triển kỹ năng mềm; giai đoạn 2 tiến hành xây dựng bảng hỏi chính thức dành cho các nhóm khách thể. Bảng hỏi dành cho khách thể nghiên cứu chính là sinh viên gồm 32 câu hỏi. Bố cục bảng hỏi gồm: Nhóm câu hỏi tự đánh giá về mức độ một số kỹ năng mềm; nhóm câu hỏi để đánh giá mức độ ba kỹ năng mềm: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng làm việc nhóm; nhóm câu hỏi tìm hiểu các hình thức tiếp cận kỹ năng mềm của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kỹ năng mềm và nguyên nhân gây ra các hạn chế về kỹ năng mềm của sinh viên. Bảng hỏi thứ hai, dành cho khách thể nghiên cứu bổ trợ của đề tài là các giảng viên và cán bộ quản lý của các trường đại học. Bảng hỏi được thiết kế bằng cách chọn lọc một số câu trong bảng hỏi thứ nhất và có điều chỉnh, bổ sung để giảng viên, cán bộ quản lý cho biết thực trạng kỹ năng mềm, thực trạng phát triển kỹ năng mềm cho SV và yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng.

Cách chấm và quy đổi điểm tiến hành bằng cách căn cứ vào câu trả lời của sinh viên sẽ tiến hành mã hoá ý trả lời bằng phần mềm SPSS for windows 15,0. Điểm số sau mã hoá quy thành điểm trung bình, tính tần số, tỉ lệ %. Quy đổi điểm tính theo điểm trung bình, điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5, chia làm 5 mức: Từ 1 đến 1,5: Rất thấp; Từ 1,51 đến 2,5: Thấp; Từ 2,51 đến 3,5: Trung bình; Từ 3,51 đến 4,5: Khá cao; Từ 4,51 đến 5: Cao. Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng dựa trên các câu hỏi xoay quanh vấn đề yếu tố hay nguyên nhân nào ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện KNM của SV.

## 2.2. Khách thể nghiên cứu

Nhóm khách thể được chọn để nghiên cứu thực trạng gồm 1.212 SV, 488 GV tại các trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Một số thông tin về mẫu khảo sát như sau:

**Bảng 1. Mô tả khách thể nghiên cứu**

Khách thể	Đặc điểm		Tần số	Tỉ lệ phần trăm (%)
SV	Giới tính	Nam	312	25,7
		Nữ	900	74,3
	Học lực	Khá	613	50,6
		Trung bình	599	49,4
	Năm học	Năm hai	585	48,3
		Năm tư	627	51,7
	Khối ngành	Khoa học Xã hội và nhân văn	400	34,2
		Kinh tế - tài chính	415	32,8
		Khoa học tự nhiên	397	33
GV	Giới tính	Nam	185	37,9
		Nữ	303	62,1
	Khối ngành	Khoa học Xã hội và nhân văn	196	40,2
		Kinh tế - tài chính	134	27,4
		Khoa học tự nhiên	158	32,4

Tỉ lệ SV nữ chiếm đa số (74,3%); học lực của SV chủ yếu là khá và trung bình (khá chiếm 50,6%, trung bình chiếm

49,4%); tỉ lệ SV học năm 2 và năm 4 khá cân bằng (48,3% và 51,7%). Về khối ngành học, 03 khối ngành chính là Khoa học Xã hội và Nhân văn (34,2%), Kinh tế - Tài chính (32,8%), Khoa học Tự nhiên (33%). Ở khách thể GV, tỉ lệ GV nữ chiếm 62,1%, tỉ lệ GV nam chiếm 37,9%; có 40,2% GV ở khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, 27,4% ở khối ngành Kinh tế - Tài chính và 32,4% GV ở khối ngành Khoa học Tự nhiên.

### 2.3. Thực trạng việc rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên

**Bảng 2.** Mức độ quan tâm và rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên của nhà trường

TT	Nội dung	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Mức độ quan tâm	3,27	3,71
2	Mức độ thực hiện	3,07	3,69

Kết quả thống kê ở Bảng 2 cho thấy, theo đánh giá của SV mức độ quan tâm và mức độ thực hiện các biện pháp rèn luyện KNM cho SV của nhà trường có điểm trung bình chỉ rơi ở mức trung bình theo chuẩn của thang đo với điểm trung bình của mức độ quan tâm là 3,27 và điểm trung bình của mức độ thực hiện là 3,07. Tuy nhiên, theo đánh giá của GV, mức độ quan tâm và thực hiện các biện pháp KNM cho SV của nhà trường đều có điểm trung bình đạt ở mức khá theo chuẩn của thang đo với điểm trung bình của mức độ quan tâm là 3,71 và điểm trung bình của mức độ thực hiện là 3,69. Như vậy, GV có sự đánh giá về mức độ quan tâm và thực hiện các biện pháp rèn luyện KNM cho SV cao hơn so với đánh giá của SV. Theo SV, nhà trường chưa thật quan tâm và thực hiện tốt biện pháp rèn luyện KNM theo mong đợi của SV. Tuy nhiên, không có sự chênh lệch nhiều về điểm trung bình trong đánh giá của SV và GV dựa trên mức độ quan tâm và thực hiện. Nói cách khác, nhà trường bắt đầu quan tâm đến vấn đề rèn luyện KNM, thế nhưng vẫn chưa thật quan tâm như mong đợi của GV và cả SV.

Dựa vào Bảng 3, theo đánh giá của cả SV và GV, tám hình thức rèn luyện KNM cho SV của nhà trường có điểm trung bình từ 2,40 đến 3,28 rơi ở mức trung bình và yếu. Theo đánh giá của SV, mức độ thực hiện hình thức “Rèn luyện KNM thành một môn - học phần” có điểm

trung bình cao nhất với 3,28 còn theo đánh giá của GV, mức thực hiện hình thức này xếp vị trí thứ hai với điểm trung bình là 2,68. Theo đánh giá của SV, mức thực hiện hình thức “Tổ chức thực hành, trải nghiệm bằng chương trình chuyên biệt” xếp thứ hai với điểm trung bình là 2,91; theo GV, mức thực hiện hình thức này có điểm trung bình là 2,80. Theo SV, hình thức “Lồng ghép, tích hợp vào nội dung các môn học liên quan” được thực hiện xếp vị trí thứ ba, điểm trung bình 2,85. Theo GV, điểm trung bình này là 2.62 xếp vị trí thứ tư.

**Bảng 3.** Mức độ thực hiện các hình thức rèn luyện KNM cho SV của nhà trường

TT	Nội dung	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Cung cấp tài liệu cho SV tự nghiên cứu	2,72	2,55
2	Rèn luyện KNM thành một môn - học phần	3,28	2,68
3	Thông qua hoạt động ngoại khóa	2,54	2,58
4	Lồng ghép trong các hoạt động phong trào	2,40	2,47
5	Lồng ghép, tích hợp vào môn học có liên quan	2,85	2,62
6	Thông qua sinh hoạt cộng đồng	2,67	2,63
7	Thông qua sinh hoạt Đoàn - Hội	2,47	2,51
8	Tổ chức thực hành, trải nghiệm chuyên biệt	2,91	2,80

Trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học thì các hình thức này cần theo định hướng tiếp cận năng lực. Có nghĩa, việc “Rèn luyện KNM thành một môn - học phần” hoặc “Tổ chức thực hành, trải nghiệm bằng chương trình chuyên biệt, hệ thống” hay “Lồng ghép, tích hợp vào nội dung các môn học” phải xuất phát từ các kết quả mong đợi ở SV dưới dạng các kỹ năng SV cần có sau khi kết thúc chương trình học. Việc này phải

bắt đầu bằng việc xây dựng khung KNM, tức là một tập hợp các kết quả học tập và rèn luyện được mong đợi ở SV sau khi kết thúc chương trình học dù là học thành một môn học - học phần hay học dưới hình thức lồng ghép, tích hợp. Khung KNM này được các chuyên gia thiết kế dựa trên sự phân tích các nhiệm vụ SV thường thực hiện trong môi trường làm việc sau này như những yêu cầu cơ bản của chuẩn đào tạo.

Như vậy, có thể nhận định nhà trường chưa thật sự quan tâm và đa dạng hóa các hình thức rèn luyện KNM cho SV, chưa tạo được môi trường giáo dục rèn luyện KNM điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển KNM cho SV bởi việc rèn luyện KNM cần được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục. Thêm vào đó, chính vì chưa đa dạng trong các hình thức thực hiện nên nhiều SV chưa thật sự quan tâm đến việc rèn luyện KNM.

**Bảng 4.** Mức độ thực hiện các nội dung rèn luyện KNM cho SV của nhà trường

TT	Nội dung	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Đánh giá thực trạng KNM của SV để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp	2,61	2,44
2	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp quản lý việc rèn luyện KNM cho SV	2,66	2,47
3	Xây dựng các chuẩn nghề nghiệp có lồng ghép với yêu cầu rèn luyện KNM của sinh viên	2,52	2,32
4	Xác định nguồn lực cho công tác rèn luyện KNM cho sinh viên	2,75	2,36
5	Xây dựng kế hoạch rèn luyện KNM của SV trên cơ sở phù hợp với điều kiện nhà trường	2,60	2,40
6	Phổ biến kế hoạch, tiêu chí việc rèn luyện KNM của SV đến GV, nhân viên, sinh viên	2,73	2,46
7	Thành lập ban chỉ đạo việc rèn luyện KNM của sinh viên	2,82	2,43
8	Phân công rõ ràng trong việc rèn luyện KNM cho sinh viên	2,76	2,22
9	Tổ chức hội thảo, chuyên đề rèn luyện KNM của sinh viên	2,25	2,13
10	Hướng dẫn, duyệt kế hoạch của các bộ phận, GV trong việc rèn luyện KNM của sinh viên	2,74	2,44
11	Hướng dẫn các khoa, phòng và GV thực hiện kế hoạch rèn luyện KNM của SV	2,66	2,37
12	Theo dõi, đôn đốc việc rèn luyện KNM của sinh viên	2,69	2,37
13	Ra quyết định điều chỉnh công tác rèn luyện KNM của sinh viên	2,91	2,42
14	Động viên, khuyến khích SV rèn luyện KNM	2,65	2,24
15	Tăng cường công tác tham mưu với lực lượng trong và ngoài trường việc rèn luyện KNM của sinh viên	2,55	2,49
16	Xây dựng và phổ biến những quy định về kiểm tra công tác rèn luyện KNM của sinh viên	2,77	2,50
17	Yêu cầu báo cáo tình hình rèn luyện KNM của sinh viên	2,38	2,28
18	Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm rèn luyện KNM của sinh viên	2,76	2,68
19	Kết hợp các hình thức kiểm tra (định kì, đột xuất,...) việc rèn luyện KNM của SV	2,88	2,54
20	Có chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lý trong phong trào rèn luyện KNM của sinh viên	3,09	2,49

Kết quả thống kê ở Bảng 4 cho thấy, mức thực hiện các nội dung rèn luyện KNM cho SV của nhà trường theo đánh giá của SV và GV có điểm trung bình từ 2,13

đến 3,09 rơi ở mức yếu và trung bình theo chuẩn của thang đo. Theo SV, có ba hình thức thực hiện rèn luyện KNM cho SV trường thực hiện với điểm trung bình cao

nhất - dù chỉ ứng mức trung bình đó là: hình thức “Có chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lí trong phong trào rèn luyện KNM của SV” có mức độ thực hiện cao nhất với điểm trung bình là 3,09; hình thức như: “Ra quyết định điều chỉnh công tác rèn luyện KNM của SV” có mức độ thực hiện xếp vị trí thứ hai với điểm trung bình là 2,91; “Kết hợp các hình thức kiểm tra (định kì, đột xuất,...) việc rèn luyện KNM của SV” có mức độ thực hiện xếp vị trí thứ ba với điểm trung bình là 2,88. Tương tự, theo đánh giá của GV, chỉ có một hình thức rèn luyện KNM cho SV của nhà trường có mức độ thực hiện cao nhất với điểm trung bình rơi ở mức trung bình đó là: “Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc rèn luyện KNM của SV” với điểm trung bình là 2,68.

Ngoài ra, có một hình thức có mức độ thực hiện thấp nhất - rơi ở mức yếu của thang đo theo đánh giá của cả SV và GV là tổ chức các hội thảo, báo cáo chuyên đề về việc rèn luyện KNM của SV với điểm trung bình 2,25 theo đánh giá của SV và 2,13 theo đánh giá của GV cũng là dữ liệu cho thấy cần quan tâm đến hiệu quả và tác động thực sự của nội dung này. SV T.K cho biết: *“Tôi thấy việc rèn luyện KNM của trường cũng đã có đầu tư. Tuy nhiên, số lượng chuyên đề KNM tổ chức hằng năm quá ít, trên dưới 2 chuyên đề, mỗi chuyên đề lại giới hạn số lượng SV tham dự. Chính vì vậy, nhiều bạn vẫn chưa có cơ hội học hỏi, rèn luyện KNM, cũng như có nhận thức đúng đắn về vai trò của KNM đối với cuộc sống”*.

Có thể thấy, các nội dung rèn luyện KNM cho SV của nhà trường theo đánh giá của cả SV và GV thực hiện chưa tích cực. Số liệu thống kê này hoàn toàn tương đồng với số liệu thống kê về mức độ thực hiện KNM cho SV của nhà trường. Số liệu thống kê cũng minh chứng rõ hơn việc thực hiện các nội dung rèn luyện KNM cho SV của nhà trường còn chưa được quan tâm và chú trọng thực hiện. Nhà trường cần phải có biện pháp nhằm nâng cao và đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các nội dung rèn luyện KNM cho SV của nhà trường.

**Bảng 5.** Những vấn đề có liên quan đến việc rèn luyện KNM cho SV ở nhà trường

T	Nội dung	Tỉ lệ % SV	Tỉ lệ % GV
---	----------	------------	------------

1	Có phòng học dành riêng rèn luyện KNM cho SV?	23,8	63,5
2	Trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy KNM có để phát huy tính tích cực, chủ động của SV?	22,6	65,4
3	Có bộ phận có trách nhiệm (phụ trách) rèn luyện KNM cho SV?	36,1	55,1
4	Có những cuộc thi liên quan đến KNM của SV?	72,1	49
5	Có những buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KNM và KNM cho SV nói riêng?	96,6	71,9
6	Có những GV về KNM thực sự thành công ở kĩ năng ấy hoặc kinh nghiệm giảng dạy KNM khá thuyết phục?	45,7	69,3

Trong sáu vấn đề liên quan đến việc rèn luyện KNM cho SV ở nhà trường theo đánh giá của SV có 2 vấn đề có tần số lựa chọn trên 50% đó là: “Có những buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KNM nói chung và KNM cho SV nói riêng?” và “Có những cuộc thi liên quan đến KNM của SV?”. Trong đó: vấn đề “Có những buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KNM và KNM cho SV nói riêng?” có 96,6% tỉ lệ SV chọn xếp vị trí cao nhất; “Có những cuộc thi liên quan đến KNM của SV không?” có 96,6% tỉ lệ SV lựa chọn xếp vị trí thứ hai.

Ngoài ra, có hai vấn đề có tỉ lệ SV lựa chọn dưới 30% đó là: vấn đề “Trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy KNM để phát huy tính tích cực, chủ động của SV đáp ứng đủ nhu cầu?” có 22,6% tỉ lệ SV lựa chọn. KNM là một môn học đặc thù yêu cầu về tính thực hành nên trang thiết bị là điều cần thiết nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập của GV và SV. Vì vậy, nhà quản lí cần quan tâm chỉ đạo, yêu cầu các phòng chức năng liên quan phối hợp cùng các khoa, bộ môn dựa trên điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị để đề xuất mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện GD... đáp ứng yêu cầu của việc GD KNM cho SV theo tiếp cận năng lực. Tương tự, vấn đề “Có phòng học nào dành riêng cho việc rèn luyện KNM cho SV?” có 23,8% tỉ lệ SV lựa chọn.

Tuy nhiên, theo đánh giá của GV, trong sáu vấn đề liên quan rèn luyện KNM cho SV ở nhà trường có bốn vấn đề có tỉ lệ chọn trên 60%, cụ thể: vấn đề “Có những buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KNM nói chung và KNM cho SV nói riêng?” xếp vị trí cao nhất với 71,9% tỉ lệ GV lựa chọn. Đây cũng là vấn đề có tỉ lệ SV lựa chọn cao nhất. Vấn đề “Có những GV chuyên về KNM thực sự thành công ở kĩ năng ấy hoặc kinh nghiệm giảng dạy KNM khá thuyết phục?” có 69,3% tỉ lệ GV lựa chọn xếp vị trí thứ hai. Rõ ràng, điều này hợp lí bởi người dạy là nhân tố quyết định sự thành bại của chương trình. Nhà quản lí cần cho họ có quyền điều chỉnh chương trình phù hợp với hoàn cảnh và chuyên ngành của SV. “Trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy KNM để phát huy tính tích cực, chủ động của SV đáp ứng đủ nhu cầu?” có 65,4% GV lựa chọn xếp vị trí thứ ba; “Có phòng học nào dành riêng cho việc rèn luyện KNM cho SV không?” có 63,5% tỉ lệ GV lựa chọn xếp vị trí thứ tư. Ngoài ra, chỉ có một vấn đề theo đánh giá của GV có điểm trung bình dưới 50%: “Có những cuộc thi liên quan đến KNM của SV không?” có 49% tỉ lệ GV lựa chọn.

Tóm lại, trong sáu vấn đề được đưa ra, cả SV và GV đều quan tâm đến vấn đề tổ chức nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KNM nói chung và KNM cho SV. Ngoài tổ chức nói chuyện, hội thảo về KNM, SV quan tâm đến việc tham gia hội thi về KNM còn GV chủ yếu quan tâm đến các vấn đề đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu giảng dạy KNM chuyên nghiệp. Đây cũng chính là thách thức đặt ra từ thực trạng cần giải quyết nếu muốn nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM cho SV.

## 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kĩ năng mềm của sinh viên

### 2.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện kĩ năng mềm của sinh viên

Kết quả Bảng 6 cho thấy yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến thực trạng rèn luyện KNM là Internet (ĐTB = 4,10); thứ hai là bản thân SV (ĐTB = 3,89); thứ ba là gia đình (ĐTB = 3,83); thứ tư là bạn bè cùng trường, khoa; thứ năm là người hướng dẫn thực tập, anh chị đi trước (ĐTB = 3,49); thứ sáu là các tổ chức huấn luyện ngoài trường (ĐTB = 3,44); thứ bảy là tổ chức Đoàn, Hội (ĐTB = 3,31); cuối cùng là giảng viên ở trường đại học (ĐTB = 3,29).

**Bảng 6.** Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kĩ năng mềm của sinh viên

TT	Yếu tố	Tự đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	GV ở trường Đại học	3,29	2,33
2	Các tổ chức Đoàn, Hội	3,31	2,28
3	Bạn bè cùng trường, cùng khoa	3,56	2,51
4	Gia đình	3,83	2,22
5	Internet	4,10	2,58
6	Các tổ chức huấn luyện ngoài trường	3,44	2,25
7	Người hướng dẫn thực tập, anh chị đi trước	3,49	2,43
8	Bản thân SV	3,89	2,50

Khi so sánh với đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lí có ba yếu tố ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển KNM của SV đó là: internet, bản thân và bạn bè của SV. Năm yếu tố có ảnh hưởng ở mức độ vừa phải đến sự phát triển KNM của SV đó là: giảng viên ở trường đại học, gia đình, Đoàn, Hội, người hướng dẫn thực tập và anh, chị đi trước, các tổ chức huấn luyện ngoài trường. Theo quan niệm của giảng viên thì internet là yếu tố quan trọng nhất, tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển KNM của các bạn. Yếu tố có ảnh hưởng ít nhất đến thực trạng KNM của SV đó là gia đình. Thực tế cho thấy, sự đánh giá của hai nhóm khách thể không có sự khác biệt đáng kể khi hai thứ hạng đầu tiên có sự trùng khớp.

Bản thân SV là yếu tố ảnh hưởng thứ hai đến thực trạng rèn luyện KNM, SV đề cao vai trò bản thân trong việc rèn luyện KNM. Các tổ chức, cá nhân có thể ảnh hưởng, tác động đến KNM của SV nhưng bản thân SV là nhân tố quyết định. Nếu SV không nỗ lực thực hành, rèn luyện kĩ năng thì không thể đạt được kết quả kì vọng. Kết quả phỏng vấn cho thấy: “Em nghĩ bản thân mình tự quyết định có thể rèn KNM hay không... Nhưng thực tế thì em bỏ qua nhiều cơ hội... Và khi em chủ động trải nghiệm thì lại không đủ thời gian, thế là im lặng

cho qua và mất đi cơ hội rèn luyện chính mình” (bạn N.G - Trường ĐH Nguyễn Tất Thành).

Yếu tố có ảnh hưởng ở vị trí thứ ba đến việc rèn luyện KNM của SV đó chính là gia đình. Trong quá trình nuôi dưỡng, giáo dục con cái, các bậc cha mẹ luôn dạy những điều hay lẽ phải, những cách ứng xử với người khác và với các sự kiện, tình huống khác nhau mà thực chất đó là những KNM hết sức cần thiết. Thông qua đó, SV được trau dồi, rèn luyện các KNM và cũng được thực hành ngay trong đời sống gia đình hàng ngày.

Bạn bè là yếu tố có ảnh hưởng nhiều thứ tư đến rèn luyện KNM của SV. Trong môi trường đại học, bạn bè có vai trò rất quan trọng trong đời sống và hoạt động học tập, nhất là đối với những SV đang sống xa gia đình. SV B. H quan niệm rằng: “*Muốn đi nhanh thì đi một mình. Đi xa thì phải có đồng đội. Trong học tập em mà không có các cộng sự giúp đỡ, em sẽ chẳng bao giờ đạt được những kì vọng, mong muốn của mình*”. Chính vì vậy, bạn bè có ảnh hưởng không nhỏ đến SV nói chung và ảnh hưởng đến KNM của SV nói riêng.

Người hướng dẫn thực tập và các anh chị đi trước có ảnh hưởng ở vị trí thứ năm đến việc rèn luyện KNM. Với SV, việc thực tế và thực tập là yêu cầu bắt buộc. Trong quá trình thực tập, SV sẽ được phân công người hướng dẫn. Đây sẽ là người theo suốt SV trong thời gian thực tập tại các cơ sở thực tập. Đây cũng là cơ hội quý báu để SV có thể học hỏi những kinh nghiệm từ người hướng dẫn, bao gồm cả kiến thức và trải nghiệm thực tế. Ngoài ra, anh chị SV đi trước cũng là một “đối tượng” để SV có thể học hỏi KNM. Cô M.N cho biết: “*SV phải tự hoàn thiện mình về mặt kĩ năng chứ không thể trông chờ ở người hướng dẫn thực tập. Thời gian tiếp xúc ít, sao có thể khắc phục những KNM cơ bản hay chuyên biệt*”.

Yếu tố ảnh hưởng thứ sáu đến thực trạng rèn luyện KNM của SV là các các tổ chức huấn luyện ngoài trường. Trong thực tế, có khá nhiều các tổ chức đào tạo KNM cho các bạn trẻ được thành lập, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, điều kiện để SV tiếp cận với các tổ chức này khá dễ. Thầy V. V. N, Trường ĐH Hutech cho biết: “*Hiện nay có rất nhiều khóa học KNM ở các trung tâm ngoài trường, đặc biệt là ở Nhà Văn hóa Thanh niên và Cung Văn hóa Lao động. Thầy cũng là giảng viên thỉnh giảng ở những trung tâm này. Chất lượng đào tạo của họ khá*

*tốt, học viên có nhiều thời gian thực hành kĩ năng và rút kinh nghiệm*”.

Đoàn Thanh niên và Hội SV là yếu tố ảnh hưởng thứ bảy. Đây là những tổ chức rất thiết thân với mỗi bạn SV. Thông qua các hoạt động Đoàn, Hội, SV có cơ hội được rèn luyện, được cống hiến và được trưởng thành. Các hoạt động tình nguyện, các hoạt động công tác xã hội hay việc giáo dục lí luận chính trị của Đoàn, Hội sẽ là môi trường thực tiễn để SV học hỏi lẫn nhau, chia sẻ, hợp tác lẫn nhau.

Giảng viên ở các trường đại học được xếp ở vị trí cuối cùng trong số các yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện KNM của SV. Bạn Q. V cho biết: “*Phần lớn các kiến thức em đều học trong sách, internet. Trên lớp, em học từ thầy cô rất ít vì thời lượng mỗi buổi học quá ngắn, thầy cô không có cơ hội chỉ dạy em nhiều, nên em cảm thấy tự học, tự rèn luyện là cách tốt nhất*”. Dù vậy, không thể phủ nhận một số trường hợp giảng viên có ảnh hưởng đặc biệt đến nhân cách và lối sống của SV. Ở đây, bài toán đặt ra là nếu giảng viên có tác động tích cực đến quá trình rèn luyện KNM của SV thì thật là lí thú.

Một điều đáng lưu ý trong đánh giá của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện KNM, đó là, trong số 8 yếu tố khác nhau, có 3 yếu tố được đánh giá ở mức độ “khá cao”, 5 yếu tố còn lại ở mức độ “trung bình”. Thực tế này cho thấy, không có yếu tố nào là đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển KNM, kể cả bản thân mình. Hơn nữa, phần còn lại, các yếu tố ở nhóm trung bình cũng đặt ra câu hỏi về thực trạng tổ chức rèn luyện KNM ở các trường đại học hiện nay. Như vậy, có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến thực trạng KNM của SV. Trong số các yếu tố đó, cả giảng viên và SV đều cho rằng internet là yếu tố quan trọng nhất rồi đến bản thân SV. Điều này hợp lí vì đây là thời đại công nghệ số 4.0, với sự phát triển rất nhanh của công nghệ thông tin cũng như mạng xã hội, việc học tập trực tuyến đang được đẩy mạnh với tốc độ chóng mặt. Vấn đề cần đặt ra là làm sao có thể hướng SV đến kênh thông tin phù hợp và hữu dụng trong việc rèn luyện KNM? Bằng cách nào sử dụng Internet để khai thác việc rèn luyện KNM của SV? Giảng viên sẽ sử dụng Internet và “cạnh tranh” thế nào với nguồn học liệu từ Internet nếu đảm trách việc rèn luyện KNM cho SV?

#### **2.4.2. Nguyên nhân gây ra hạn chế trong việc rèn luyện kĩ năng mềm của sinh viên**

**a. Các yếu tố về phía sinh viên****Bảng 7.** Một số yếu tố làm ảnh hưởng đến thực trạng hạn chế về KNM từ phía SV

TT	Yếu tố về phía SV	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Thiếu sự chủ động tự tìm hiểu KNM	3,53	3,78
2	Không có thời gian tìm hiểu KNM	2,95	3,32
3	Chưa hiểu đúng vai trò của KNM	3,84	3,75
4	Chưa thực sự quan tâm đến KNM	3,82	3,81
5	Chưa có biện pháp đúng để rèn KNM	3,86	4,11
6	Chưa biết chọn “nguồn” tin cậy để học KNM	4,09	4,17

Làm thế nào để SV có thể chọn được nguồn tài liệu chính thống và có giá trị về KNM là điều không đơn giản. Thực tế này đồng thời phản ánh hạn chế về KNM của SV, cụ thể là kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, một kỹ năng rất quan trọng. Nguyên nhân tác động thứ hai do SV chưa có biện pháp đúng để rèn luyện KNM. Nguyên nhân SV chưa nhận thức đúng vai trò của KNM, thiếu sự chủ động, chưa thật quan tâm đến KNM và chưa tích cực chủ động tìm hiểu KNM lần lượt đứng ở vị trí thứ ba, thứ tư và thứ năm. Thực tế không thể phủ nhận là hiện nay, vẫn có một bộ phận SV thiếu sự chủ động, tích cực trong hoạt động học tập và rèn luyện KNM nói riêng. Điều này phản ánh biểu hiện tâm lý thụ động của SV. Bên cạnh đó, vẫn còn SV chưa nhận thức được đầy đủ vai trò và chưa quan tâm đến KNM.

Đánh giá về vấn đề này, giảng viên và cán bộ quản lý cho rằng, SV chưa biết chọn “nguồn” tin cậy để học (ĐTB = 4,17 - hạng 1) và chưa có biện pháp đúng đắn để học tập KNM (ĐTB = 4,11 - hạng 2).

**b. Các yếu tố về phía nhà trường****Bảng 8.** Một số yếu tố làm ảnh hưởng đến thực trạng hạn chế về KNM từ phía nhà trường

TT	Yếu tố về phía nhà trường	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Không trang bị KNM một cách chuyên biệt cho SV	3,43	3,72
2	Không lồng ghép hoặc tích hợp KNM trong đào tạo	3,44	3,78
3	Không chú trọng việc rèn luyện KNM cho SV như một hoạt động dài hơi	3,48	3,74
4	Thiếu GV chuyên sâu để đào tạo KNM cho SV	3,33	3,89
5	Đoàn Thanh niên, Hội SV trường chưa có đủ các phong trào rèn luyện KNM cho SV	2,87	3,49
6	Chưa xem KNM là một tiêu chí để đánh giá SV	3,23	3,78

Về phía nhà trường, SV cho rằng việc không chú trọng việc rèn luyện KNM cho SV như một hoạt động dài hơi có tác động lớn nhất đến những hạn chế về KNM của SV (ĐTB = 3,48); thứ hai là không lồng ghép hoặc tích hợp KNM trong đào tạo (ĐTB = 3,44); thứ ba là không trang bị những KNM một cách chuyên biệt cho SV (ĐTB = 3,43); thứ tư là thiếu đội ngũ giảng viên chuyên sâu đào tạo KNM cho SV (ĐTB = 3,33); thứ năm là chưa xem KNM là một trong những tiêu chí để đánh giá SV (ĐTB = 3,23); cuối cùng là Đoàn Thanh niên, Hội SV trường chưa có đủ các phong trào rèn luyện KNM cho SV (ĐTB = 2,87).

Triển khai rèn luyện KNM nhất thiết phải có hạn định về thời gian, xem chương trình rèn luyện KNM là chương trình dài hạn, không thể một sớm một chiều, hoặc chỉ tập huấn, giảng dạy trong một buổi là có được kỹ năng. Đồng thời, nhà trường sử dụng khá đa dạng nguồn giảng viên để dạy KNM. Điều này đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của hoạt động giảng dạy nhưng để đạt được hiệu quả như mong muốn thì chưa hẳn.



Chưa công trình nghiên cứu nào đúc kết các yêu cầu, tiêu chuẩn của một giảng viên KNM nhưng có thể nhận thấy rằng, trước hết phải được đào tạo chuyên sâu hoặc tham gia khoá học chuyên đề về phương pháp dạy KNM; phải có sự linh hoạt, óc hài hước, tính sáng tạo và chiều sâu của cảm xúc... Có như vậy, mới có thể thu hút được SV và đảm bảo được yêu cầu về chất lượng dạy học.

Khác với nhìn nhận của SV, giảng viên cho rằng nguyên nhân chính thuộc về việc nhà trường hiện nay thiếu đội ngũ giảng viên chuyên sâu để đào tạo KNM rồi mới đến những yếu tố thuộc về cơ chế quản lí và hoạt động giáo dục của nhà trường. Đây là thực tế phản ánh sự tự đánh giá khá nghiêm túc của nhóm khách thể là giảng viên.

**c. Các yếu tố về phía xã hội**

*Bảng 9. Một số yếu tố làm ảnh hưởng đến thực trạng hạn chế về KNM từ phía xã hội*

TT	Yếu tố về phía xã hội	Đánh giá của SV (ĐTB)	Đánh giá của GV (ĐTB)
1	Thiếu môi trường rèn luyện KNM hiệu quả	3,04	3,93
2	Các lớp học về KNM quá ít	3,0	3,61
3	Chưa tạo điều kiện cho SV tham gia nhiều lớp huấn luyện miễn phí	3,68	3,76
4	Các chương trình huấn luyện cộng đồng chưa thường xuyên, liên tục	3,70	3,82
5	Công tác truyền thông liên quan đến KNM chưa hệ thống, bài bản	3,81	3,80
6	Không có tài liệu chuyên sâu về KNM	3,69	4,0

Xét các nguyên nhân gây ra hạn chế về KNM của SV thuộc về xã hội - cộng đồng thì SV cho rằng, nguyên nhân có tác động nhiều nhất là công tác truyền thông liên quan đến KNM chưa có hệ thống, bài bản (ĐTB = 3,81); thứ hai là các chương trình huấn luyện cộng đồng về KNM chưa thường xuyên, liên tục (ĐTB

= 3,70); thứ ba là không có tài liệu chuyên sâu về KNM (ĐTB = 3,69); thứ tư là chưa tạo điều kiện cho SV tham gia nhiều lớp tập huấn miễn phí (ĐTB = 3,68); thứ năm là thiếu môi trường rèn luyện KNM hiệu quả (ĐTB = 3,04); cuối cùng là số lượng các lớp học về KNM quá ít (ĐTB = 3,0).

Một trong những nguyên nhân cần phải đề cập đến đó là các tài liệu chuyên sâu về KNM còn khá hạn chế. Những tài liệu có liên quan về KNM thì có nhiều nhưng tài liệu thật sự chuyên sâu với nền tảng lí luận và cơ sở thực tiễn vững chắc. Ở nội dung này, có sự tương đồng đáng kể giữa đánh giá của SV với đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lí. Giảng viên và cán bộ quản lí cũng cho rằng, xã hội chưa tạo điều kiện cho SV tham gia các lớp huấn luyện KNM miễn phí là nguyên nhân có tác động lớn nhất; sau nữa là do các chương trình huấn luyện cộng đồng về KNM chưa thường xuyên, liên tục;...

Với góc nhìn của đội ngũ giảng viên, họ cho rằng yếu tố không có tài liệu chuyên sâu về KNM có tác động lớn nhất (ĐTB = 4,0), tiếp sau đó là thiếu môi trường rèn luyện KNM (ĐTB = 3,93), các chương trình huấn luyện cộng đồng về KNM chưa thường xuyên (ĐTB = 3,82), công tác truyền thông chưa bài bản (ĐTB = 3,80), chưa tạo điều kiện cho SV tham gia các lớp rèn luyện KNM miễn phí (ĐTB = 3,76), các lớp học về KNM quá ít (ĐTB = 3,61). Kết quả cho thấy phải tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu và phát triển đội ngũ giảng viên về KNM nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu hụt nguồn cung ứng tài liệu chuyên sâu về KNM hiện nay, cũng như việc đẩy mạnh phát triển, đầu tư cho những môi trường rèn luyện KNM có tầm nhìn và hiệu quả (trường học, doanh nghiệp, tổ chức xã hội,...). Đây là trách nhiệm các trường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cần quan tâm để có những đầu tư bài bản và hệ thống trong việc bồi dưỡng KNM cho giảng viên nhằm góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM cho SV.

**3. Kết luận**

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện KNM của SV: nguyên nhân từ phía bản thân SV, từ phía nhà trường và từ phía xã hội. Nếu xét những yếu tố đến từ phía bản thân SV, nguyên nhân nổi bật nhất và có kết quả tách biệt so với các nguyên nhân khác là do “SV chưa biết chọn “nguồn” tin cậy để học KNM” với điểm trung bình là 4.09 - ứng với mức khá cao. Ngoài ra, nguyên nhân cũng cần đáng quan tâm là

SV chưa đầu tư thời gian và công sức thoả đáng để rèn luyện KNM. Nguyên nhân về phía nhà trường là nhà trường chưa chú trọng việc rèn luyện KNM cho SV như một hoạt động dài hơi. Điều đó thể hiện qua việc nhà trường không có những lớp học về KNM cũng như không lồng ghép hay tích hợp vào đào tạo, hoặc tổ chức các phong trào thi đua liên quan đến chủ đề rèn luyện KNM. Nguyên nhân nổi trội không kém về phía xã hội là công tác truyền thông về KNM còn khá rời rạc, chưa được đầu tư bài bản và chưa có các chương trình huấn luyện thường xuyên, liên tục. Từ đây, việc cải thiện các yếu tố tác động hay nguyên nhân đã phân tích là cần thiết để góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM của SV đại học tại TP. HCM hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Huỳnh Văn Sơn (2011). *Thực trạng kỹ năng sống của SV một số trường đại học tại TP Hồ Chí Minh hiện nay*. Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số B2010.19.64.
- [2] Huỳnh Văn Sơn (2012). *Phát triển KNM cho SV các trường Đại học Sư phạm*. Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số B2012.19.05.
- [3] Huỳnh Văn Sơn và Nguyễn Thị Xuân Phương (2015). *Phát triển Kỹ năng sống cho học sinh. Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*. Lưu hành nội bộ.
- [4] Huỳnh Văn Sơn (2016). *Phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc khi thực tập tốt nghiệp*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Huỳnh Văn Sơn (2015). *Kỹ năng thích ứng với môi trường công việc khi thực tập tốt nghiệp của SV*. Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số B2014.19.11.

## THE FACTORS AFFECTING THE SITUATION OF SOFT SKILLS TRAINING OF HO CHI MINH CITY'S STUDENTS

**Abstract:** The article presents the factors that affect the soft skills training of students and outlines the reasons for the limitation of soft skills training of students in Ho Chi Minh City today. By analyzing the factors affecting the situation as well as the causes of the shortcomings, it can be said that the development of soft skills training is an urgent condition that equips students to prepare themselves with competences in the new changes of the era.

**Key words:** factors of affecting; causes of limitations; soft skills; students.